

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2024
V/v tranh chấp lỗi đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Bà Tòng Thị Hiền; ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc Tranh chấp lỗi đi chung. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2024/DS-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 94/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lường Văn T, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Bản NN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Lò Thị P, sinh năm 1961. Địa chỉ: Bản NN, xã S, huyện C, Sơn La. Ông Đ có mặt, bà P vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Anh Pc. Địa chỉ: Tổ 2, phường K, thành phố M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vi Văn TT, sinh năm 1944. Địa chỉ: Bản NN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

+ Ông Hoàng Văn HH, sinh năm 1956. Địa chỉ: Bản NN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Văn Đ và bà Lò Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L trình bày:*

Năm 2001, ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L nhận chuyển nhượng một mảnh đất của ông Vì Văn TT với giá 6.000.000 đồng, hai bên có làm giấy tờ viết tay. Diện tích đất là 891,2m², gồm 400m² đất thổ cư, 491m² đất vườn, thửa số 326, tờ bản đồ số 39 tại bản NN, xã S, huyện C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 262458 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp ngày 24/10/2000 mang tên Vì Văn TT. Hiện trạng khi nhận chuyển nhượng có lối đi vào là đường đất rộng khoảng 2m. Tuy nhiên, quá trình sử dụng lối đi chung này, gia đình ông Hoàng Văn Đ hay trồng cây vào nên gia đình ông T, bà L không đi qua con đường đó nữa mà đi nhờ vào đất nhà ông Hoàng Văn Hn, ông Hoàng Văn Lg để đi ra ngoài đường. Đến năm 2023, ông T, bà L và ông TT thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không được vì không có lối đi vào mảnh đất. Ông Đ san lấp đất làm vườn không cho gia đình ông T đi qua lối đi chung. Theo sơ đồ thửa đất tại UBND xã S thể hiện có đường đi vào đất nhà ông T bà L nên ông bà có đến trao đổi với gia đình ông Đ nhưng ông Đ không đồng ý trả lại con đường cũ.

Ngày 26/7/2023, UBND xã S đã hòa giải tranh chấp giữa hai gia đình nhưng không thành. Sau đó ông Đ xây thêm tường bao để rào con đường lại. Quá trình Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ phần lối đi chung đang có tranh chấp, ông T, bà L thấy rằng một phần lối đi chung còn liên quan đến đất đang do ông Hoàng Văn HH sử dụng. Vì vậy, ông T, bà L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà P, ông HH trả lại lối đi chung theo kết quả Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ, để ông T, bà L thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 262458 mang tên ông Vì Văn TT; Biên bản hòa giải ngày 26/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã S.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P trình bày:*

Ông Hoàng Văn Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 328, tờ bản đồ số 39, tại bản NN, xã S, huyện C, theo Quyết định số 597/QĐ-UB ngày 24/10/2000 của UBND huyện C.

Đối với phần diện tích đất thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1999 - 2000 là đất giao thông (*phần diện tích đất này chưa được công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Đ*) có nguồn gốc như sau: Trước những năm 1995, phần diện tích đất trên là suối, bản thân ông Đ và ông Sa Văn Sg đã cùng nhau cải tạo nắn dòng chảy đối với khúc suối trên và ông Đ đã sử dụng phần đất suối cải tạo trên làm bờ ao. Ông Sa Văn Tn (*bố đẻ ông Sa Văn Sg, nay đã chết*) đã xin mượn phần đất bờ ao do ông Đ cải tạo để làm đường đi tạm (*giáp đất ông Sa Văn I*). Từ năm 1995 đến năm 1999, ông Tn và các con cháu của ông thường xuyên đi lại trên con đường này. Từ năm 1999, ông Tn không có nhu cầu đi lại trên con đường này nữa và giao lại cho gia đình ông Đ. Sau đó gia đình ông Đón đã thực hiện rào lại phần đường thuộc phần

đất của mình và lấp phần đất ao đang sử dụng để làm vườn. Cũng trong năm 1999, nhà ông Đ cùng công ty thuốc lá BH xây dựng một lò sấy thuốc lá Vinataba vào đúng vị trí có con đường rộng 4,5m hiện trên bản đồ địa chính. Phần diện tích đất này từ năm 1999 đến nay, gia đình ông Đ vẫn sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không có cá nhân hay hộ gia đình nào đi lại trên phần diện tích ông Đ đã cải tạo và rào lại trên. Bản thân ông Đ từ khi khai phá, sử dụng đất đến nay hoàn toàn không biết từ bao giờ phần diện tích đất đã xây lò sấy lại trở thành đường đi chung rộng 4,5m trên bản đồ địa chính. Khi ông Lương Văn T có đơn khởi kiện đòi đường đi, ông Đ mới biết diện tích đất này của ông Đ là phần đất đường thể hiện trên bản đồ.

Đối với việc ông Lương Văn T nhận chuyển nhượng lại mảnh đất từ ông Vì Văn TT, sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông Tuấn đi lại thường xuyên qua đất nhà ông Hoàng Văn Hn, ông Hoàng Văn Lg để ra đường. Trước khi chuyển nhượng đất cho ông T, bà L thì ông Vì Văn TT thường đi ra đường qua lối nhà ông Hoàng Văn HH.

Ông Đ, bà P xác định phần diện tích đất đang tranh chấp với ông T, bà L có nguồn gốc là của gia đình ông Đ khai phá sử dụng ổn định từ năm 1995, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với ai, diện tích đất trên chưa bao giờ được sử dụng là đường đi chung như bản đồ địa chính thể hiện. Vì vậy, ông Đ, bà P không nhất trí với yêu cầu khởi kiện đòi lối đi chung của ông T, bà L. Đề nghị Tòa án giao diện tích đất này cho gia đình ông Đ, bà P tiếp tục quản lý sử dụng.

Để chứng minh cho ý kiến và yêu cầu của mình, bị đơn đã giao nộp cho Tòa án chứng cứ gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 888969 do UBND huyện C cấp ngày 24/10/2000 mang tên ông Hoàng Văn Đ.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn TT trình bày trình bày:*

Ngày 24/10/2000, ông Vì Văn TT được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 262458, tổng diện tích đất là 2.870m², thuộc tờ bản đồ số 39, số 40, tại bản NN, xã S, huyện C. Trong quá trình sinh sống trên thửa đất nêu trên, gia đình ông vẫn có con đường để đi ra đường giao thông theo hai hướng là đường mòn giáp với đất nhà ông Hoàng Văn Đ và ông Hoàng Văn HH.

Ngày 27/7/2001, ông TT đã chuyển nhượng đất cho gia đình ông Lương Văn T, bà Hoàng Thị L như ông T bà L trình bày. Đến nay, ông TT muốn hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đất cho gia đình ông T bà L nhưng chưa được vì ông Đ và ông HH đang sử dụng lối đi chung nêu trên.

Về yêu cầu khởi kiện của ông T, bà L, ông TT đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông TT đã giao nộp Giấy xác nhận về con đường đi lại hàng ngày của ông Vì Văn TT trước khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn T (Bản gốc).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên*

quan ông Hoàng Văn HH trình bày:

Ngày 24/10/2000 ông được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 297107, trong diện tích đất được cấp có thửa đất số 346 diện tích đất 415m², tờ bản đồ số 39, tại bản LN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La.

Năm 2007, ông đã tặng cho vợ chồng em trai là ông Hoàng Văn Hn và bà Lò Thị CN thửa đất 346. Sau đó, ông Hn và bà CN đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 158061 ngày 16/10/2007 của UBND huyện C. Năm 2014 ông Hn mất, gia đình bà CN đã tặng cho (trả lại) thửa đất số 346 cho ông, tuy nhiên vẫn đang trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước. Từ năm 2014 cho đến nay, gia đình bà CN đã giao cho ông HH quản lý sử dụng thửa số 346 nêu trên. Đối với thửa số 336, tờ bản đồ số 39, ông đã quản lý sử dụng từ khoảng năm 2000 cho đến nay nhưng chưa đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ông HH nhất trí với kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành ngày 11/3/2024 có lỗi đi chung trên đất do ông HH sử dụng. Ông Hoàng Văn HH nhất trí trả lại đường giao thông lỗi đi chung theo kết quả đo đạc ngày 11/3/2024.

Ông HH đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: 01 Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 297107 cấp ngày 24/10/2000 mang tên ông Hoàng Văn HH; 01 Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 158061 cấp ngày 16/10/2007 mang tên ông Hoàng Văn Hn.

** Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:*

Ngày 11/3/2024, Tòa án nhân dân huyện C đã xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất đang tranh chấp và xác định tổng diện tích đất đang tranh chấp là 279,5m². Trong đó, ông Hoàng Văn HH đang sử dụng 94,3m², ông Hoàng Văn Đ và bà Lò Thị P đang sử dụng 185,2m². Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thu thập các chứng cứ: Sổ mục kê năm 1999 - 2000; Sổ địa chính năm 1999 - 2000; biên bản xác minh sự việc với ông Sa Văn I, bà Lò Thị CN (*là các hộ giáp với diện tích đất tranh chấp*), ông Đinh Công Sn (*nguyên là trưởng bản LN, xã S giai đoạn 1998 - 2000*).

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-PT ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện C đã Quyết định:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T, bà Hoàng Thị L. Xác định diện tích đất 279,5m², thuộc tờ bản đồ số 39, tại bản NN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La là lỗi đi chung.

2. Buộc ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P phải tháo dỡ, di dời các tài sản gồm: tường xây dài 5,04m, cao 1,8m; 01 bể phốt (xây chìm), 01 cây me, để trả lại phần đất là lỗi đi chung có diện tích 185,2m², thuộc tờ bản đồ số 39 tại bản NN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La.

3. Buộc ông Hoàng Văn HH trả lại phần đất là lối đi chung có diện tích 94,3m², thuộc tờ bản đồ số 39 tại bản NN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lương Văn T và bà Hoàng Thị L tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 730.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi nghìn đồng*). Ông Lương Văn T đã nộp đủ.

Ngoài ra, Bản án Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

Nguyên đơn ông Lương Văn T, bà Hoàng Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn TT, ông Hoàng Văn HH đều nhất trí với bản án sơ thẩm, không kháng cáo.

Ngày 26/4/2024, bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định phần diện tích đất 185,2m² là do ông Đ bà P khai phá, không phải là lối đi chung. Trong trường hợp xác định đây là lối đi chung thì phải bồi thường tài sản trên đất và mua bán hoặc bồi thường về đất cho ông Đ bà P. Kèm theo đơn kháng cáo, ông Đ bà P giao nộp bổ sung 01 bản photo giấy xác nhận có chữ ký của ông Vì Văn TT, 01 bản photo văn bản giải trình có chữ ký của Ban quản lý bản NN và một số người dân ở bản NN.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm, bị đơn ông Hoàng Văn Đ đã giao nộp bổ sung Biên bản xin xác nhận ý kiến đoàn thể, toàn dân và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thẩm định, định giá tài sản.

Ngày 16/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu của bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P. Kết quả định giá tài sản xác định như sau:

- Diện tích 285,2m² đất cần định giá có giá trị là 23.671.200 đồng (*Hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm đồng*).

- Tài sản công trình vật kiến trúc trên diện tích phần đất đang tranh chấp có giá trị là 3.807.038 đồng (*Ba triệu tám trăm linh bảy nghìn không trăm ba tám đồng*).

- Tài sản trên diện tích đang tranh chấp gồm các loại cây có tổng giá trị là 955.000 đồng (*Chín trăm năm mươi năm nghìn đồng*).

- Tổng giá trị đất, tài sản trên đất là 28.433.238 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*).

Ngày 19/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Công văn số: 1774/CV-TA về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C phối hợp cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án.

Ngày 06/9/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số: 4182/UBND-TNMT về việc tham gia ý kiến, cung cấp hồ sơ, tài liệu đối với vụ án dân sự phúc thẩm về tranh chấp lối đi chung.

*** Tại phiên toà phúc thẩm:**

- Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C và nhất trí hỗ trợ cho bị đơn giá trị vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất và công cải tạo đất với số tiền 28.433.238 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*).

- Bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La và ghi nhận việc nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn số tiền 28.433.238 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp lỗi đi chung. Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Sơn La đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 202 Luật Đất đai. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp lỗi đi chung là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vì Văn TT, Hoàng Văn HH nhưng đã có lời khai của những người này tại cấp sơ thẩm. Kiểm sát viên và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về giấy tờ đất đai của lỗi đi chung đang tranh chấp: Theo hồ sơ, sổ sách địa chính xã S, huyện C (*Trang 116 Sổ mục kê, Trang 192 Sổ địa chính năm 1999 - 2000, Tờ bản đồ địa chính số 39 năm 1999 - 2000*) đều thể hiện có lỗi đi chung vào thửa đất của ông Vì Văn TT đã bán cho ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L. Hình vẽ sơ đồ thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình liền kề thửa đất đang tranh chấp (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Hoàng Văn Đ - thửa số 328, ông Hoàng Văn Hn (bà CN) - thửa số 327, ông Vì Văn TT - thửa số 326, ông Sa Văn I - thửa số 337*) cũng đều thể hiện có lỗi đi chung.

Tại Công văn số: 4182/UBND-TNMT ngày 06/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La về việc tham gia ý kiến, cung cấp hồ sơ, tài liệu đối với vụ án dân sự phúc thẩm về tranh chấp lối đi chung xác định:

Qua kiểm tra, đối chiếu với bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 1999-2000, diện tích đất tranh chấp có một phần là đất giao thông, một phần là đất thủy lợi. Về kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện C được phê duyệt tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Sơn La, diện tích đất đang có tranh chấp quy hoạch đất ở nông thôn.

[2.2] Về quá trình sử dụng lối đi chung: Lời khai của ông Sa Văn I, bà Lò Thị CN (*là các hộ giáp với diện tích đất tranh chấp*), ông Đinh Công Sn (*nguyên là trưởng bản LN, xã S, huyện C giai đoạn 1998 - 2000*), thể hiện: Từ lâu đã tồn tại một con đường mòn men theo bờ suối giáp giữa đất nhà ông Đ và ông I, sau đó ông Đ đổ thêm đất vào con đường và lấp suối để gia đình ông Đ sử dụng. Năm 2001, ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Vì Văn TT và chuyển đến sinh sống, nhưng do gia đình ông Hoàng Văn Đ thường sử dụng khu vực có lối đi chung đó nên ông T, bà L phải đi nhờ qua đất của hộ bà Lò Thị CN (thửa số 327), ông Hoàng Văn Lg (thửa số 312) để ra được đường giao thông. Lời khai của bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P cũng thừa nhận việc có con đường mòn và việc bị đơn đã lấp suối để sử dụng đất. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn HH nhất trí trả lại lối đi chung theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La.

[2.3] Về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án đã xác định: Lối đi chung có tranh chấp thuộc tờ bản đồ số 39, tại bản NN, xã S, huyện C, tỉnh Sơn La, có tổng diện tích là 279,5m², gồm hai phần S1 = 185,2m² (*phần diện tích đất này đang do ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P sử dụng*) và S2 = 94,3m² (*phần diện tích đất này đang do ông Hoàng Văn HH sử dụng*). Lối đi chung đang có tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình hoặc cá nhân nào. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với hồ sơ địa chính và hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình liên kề lối đi chung.

[2.4] Trên cơ sở các chứng cứ và nhân định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L, buộc bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn HH trả lại lối đi chung là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn HH lấn chiếm lối đi chung nên phải tháo dỡ, di dời các tài sản, trả lại lối đi chung mà không được bồi thường.

[2.5] Về kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản: Diện tích đất cần định giá có giá trị là 23.671.200 đồng; Tài sản công trình và vật kiến trúc trên diện tích đất đang tranh chấp có giá trị là 3.807.038 đồng; Các loại cây trên đất có giá trị là 955.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 28.433.238 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*).

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P giá trị công cải tạo đất và giá trị tài sản trên đất với số tiền là 28.433.238 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*). Xét thấy, việc nguyên đơn ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L tự nguyện hỗ trợ trị giá tiền công cải tạo đất và giá trị tài sản trên đất cho bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P là đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần ghi nhận.

[2.6] Từ những nhận định, phân tích nêu trên. Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P là có cơ sở; do đó cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định.

Về chi phí tố tụng: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm với số tiền là 8.026.000đ (*Tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng*), bị đơn đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La.

2. Ghi nhận việc nguyên đơn ông Lường Văn T, bà Hoàng Thị L tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P giá trị công cải tạo đất và giá trị tài sản trên đất với số tiền là 28.433.238 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi tám đồng*). Làm tròn là 28.433.000 đồng (*Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

3. Về án phí và chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm:

Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Hoàng Văn Đ, bà Lò Thị P.

Về chi phí tố tụng: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Hoàng

Văn Đ, bà Lò Thị P phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm với số tiền là 8.026.000đ (*Tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng*), bị đơn đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Toà án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn Minh